

Số: /YTST

Sơn Trà, ngày tháng 3 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Đà Nẵng

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN SƠN TRÀ

Số giấy phép hoạt động: 0543/ĐNA-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế thành phố Đà Nẵng ngày 31 tháng 7 năm 2023

Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ngô Văn Đình Hoài.

Điện thoại liên hệ: 0236.3946869

Email: trungtamytesontra@danang.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Trung tâm Y tế quận Sơn Trà đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

STT	Chức danh chuyên môn	Nội dung hướng dẫn thực hành
1	Bác sỹ y khoa	Hướng dẫn thực hành cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ
2	Bác sỹ y học dự phòng	
3	Bác sỹ y học cổ truyền	
4	Bác sỹ răng hàm mặt	
5	Y sỹ đa khoa	
6	Y sỹ y học cổ truyền	
7	Điều dưỡng	
8	Hộ sinh	
9	Kỹ thuật y xét nghiệm y học	
10	Kỹ thuật y hình ảnh y học	
11	Kỹ thuật y phục hình răng	

12	Kỹ thuật y phục hồi chức năng	
13	Dược sỹ	Hướng dẫn thực hành chứng chỉ hành nghề dược theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:

(Đính kèm phụ lục)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không có.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 555 người thực hành/01 thời điểm.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành

- Đối với chức danh bác sỹ: 300.000 đồng/tháng.

- Đối với các chức danh còn lại: 200.000 đồng/tháng.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHN.V.

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Đình Hoài

Phụ lục 2
BẢN CÔNG BỐ

Danh sách người hướng dẫn thực hành

(Đính kèm Công văn số /YTST ngày /3/2024 của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà)

Stt	Họ và Tên	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (Theo chứng chỉ hành nghề)	Vị trí chuyên môn		Chứng chỉ khác
				Chức danh	Vị trí chuyên môn được phân công đảm nhiệm	
1.	NGÔ VĂN ĐÌNH HOÀI	003561/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại.	Bác sỹ CKII Ngoại Tiêu hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại. - Phẫu thuật Nội soi tiêu hóa cơ bản. - Điều trị bệnh Trĩ bằng máy khâu bấm. - Siêu âm tổng quát 	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Phẫu thuật Nội soi tiêu hóa cơ bản, Ung thư, Ngoại tiêu hóa - Gan mật, Gây mê hồi sức, Phẫu thuật thực hành - Giấy chứng nhận Phẫu thuật Điều trị bệnh Trĩ bằng máy khâu bấm - Chuyên khoa cơ bản chấn thương chỉnh hình - Chứng nhận Thực hành Siêu âm tổng quát.
2.	NGUYỄN VĂN THUYỀN	000014/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	Thạc sỹ YTCC, Bác sỹ y khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Giám đốc - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội 	Chứng chỉ siêu âm tổng quát
3.	DƯƠNG QUỐC KHÁNH	003630/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa vật lý trị liệu, PHCN	Bác sỹ CKI Y học cổ truyền	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Giám đốc - Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và chuyên khoa vật lý trị liệu, PHCN - Khám chữa bệnh đa khoa. 	Bác sĩ đa khoa
4.	HUỶNH VĂN ANH	000042/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Bác sỹ CKI Răng hàm mặt	Trưởng khoa Liên chuyên khoa	Chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ Răng Hàm Mặt
5.	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	007405/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thạc sỹ, Bác sĩ Răng hàm	Phó trưởng khoa Liên chuyên khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ hàm mặt - Chứng chỉ cấy ghép nha khoa cơ

				mắt		bản - Chứng chỉ nhỏ răng tiêu phẫu, Chỉnh nha và răng trẻ em, Nha chu, Bệnh lý miệng và hàm mặt, Phục hình, Nội nha, Nha cộng đồng
6.	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	0005838/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Bác sỹ CKI Răng hàm mặt	Bác sỹ khoa Liên chuyên khoa	
7.	TRẦN VĂN NGÔ	001504/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng	Bác sỹ CKI Tai mũi họng	Bác sỹ khoa Liên chuyên khoa	Chứng chỉ phẫu thuật nội soi mũi xoang
8.	ĐẶNG THỊ GIANG	007253/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt	Bác sỹ đa khoa	Bác sỹ khoa Liên chuyên khoa	- Chứng nhận Bác sỹ chuyên khoa định hướng mắt - Chứng chỉ phẫu thuật mọng thị mắt
9.	NGUYỄN NGỌC VIỆT	003560/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI Nội	Phó trưởng khoa, Phụ trách khoa Nhi	
10.	LÊ TRẦN THẢO VY	008721/ĐNA-CCHN	Khám và chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ đa khoa	Phó trưởng khoa Nhi	
11.	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	008704/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ đa khoa	Bác sỹ khoa Nhi	
12.	LÊ LỘC TRÍ	003553/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ đa khoa	Trưởng khoa Khám bệnh	Giấy chứng nhận Đọc điện tim
13.	ĐẶNG THỊ THANH TÂM	008709/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI Nội	Phó trưởng khoa Khám bệnh	
14.	NGUYỄN THANH HÙNG	007868/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI Thần kinh	Bác sỹ khoa Khám bệnh	Chứng chỉ tâm thần

15.	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	000268/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	Bác sỹ CKII Nội	Bác sỹ khoa Khám bệnh	
16.	VÕ CAN	000900/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ khoa Khám bệnh	
17.	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC VIỆT	003732/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sỹ CKI Nội	Bác sỹ khoa Khám bệnh	
18.	LƯU BÁ PHONG	001175/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ CKI Chẩn đoán hình ảnh	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Giấy chứng nhận kỹ thuật thực hành Nội soi tiêu hóa
19.	LÊ VĂN NGA	007679/ĐNA-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI Chẩn đoán hình ảnh	Phó trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ định hướng chẩn đoán hình ảnh - Chứng chỉ Siêu âm tim cơ bản - Chứng chỉ Chẩn đoán hình ảnh thần kinh, cơ xương khớp, Tim mạch, Tiết niệu - Sinh học, Hô hấp
20.	NGUYỄN THỊ NGỌC PHÚ	006242/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI Nội khoa	Trưởng khoa Hồi sức cấp cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ chẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản - Chứng chỉ thực hành phác đồ điều trị cấp cứu
21.	NGUYỄN VĂN NHA	000150/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh hệ nội nhi	Bác sỹ CKI Nội khoa	Bác sỹ khoa Hồi sức cấp cứu	Chứng chỉ Chuyên khoa sơ bộ HSCC
22.	PHAN VIỆT HÙNG	003569/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	Bác sỹ CKI Ngoại khoa	Trưởng khoa Ngoại tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ đào tạo liên tục hồi sức cấp cứu Chứng chỉ phẫu thuật nội soi tiêu hóa
23.	HUỖNH QUỐC TÁM	000540/ĐNA-CCHN	Khám và chữa bệnh chuyên Ngoại	Bác sỹ CKII Ngoại khoa	Phó trưởng khoa Ngoại tổng hợp	Chuyên khoa sơ bộ Gây mê hồi sức, Phẫu thuật Nội soi tổng quát, siêu âm tổng quát, chứng nhận điều trị thoát vị bẹn

24.	PHAN VĂN HẢI	009050/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ khoa Ngoại tổng hợp	Chứng chỉ Phẫu thuật kết hợp xương cơ bản và nâng cao
25.	VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	007318/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ CKI Sản phụ khoa	Trưởng khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Chứng chỉ Siêu âm Sản phụ khoa cơ bản
26.	NGUYỄN THỊ LUYẾN	003559/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản	Bác sỹ CKI Sản phụ khoa	Bác sỹ khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Chứng nhận Siêu âm Sản phụ khoa cơ bản
27.	NGUYỄN THẾ TẮM	003864/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI Nội	Trưởng khoa Nội tổng hợp	Chứng chỉ siêu âm tổng quát, chứng chỉ cấp cứu nhi khoa
28.	TẠ ĐÔNG QUỐC	007990/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sỹ CKI Y học cổ truyền	Trưởng khoa YHCT và PHCN	Phục hồi chức năng cơ bản
29.	HUỶNH THỊ CẨM VÂN	006728/ĐNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	Bác sỹ CKI Y học cổ truyền	Phó trưởng khoa YHCT và PHCN	Chứng chỉ đào tạo VLTL - phục hồi chức năng
30.	PHAN QUỐC TÍN	007659/ĐNA-CCHN	Khám, tư vấn và điều trị dự phòng theo quy định tại Thông tư 10/2015/TTLT-BYT-BNV, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí thông thường một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	Bác sỹ CKI Y học dự phòng	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình - Chứng chỉ Sức khỏe nghề nghiệp, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe lứa tuổi - Chứng chỉ Dinh dưỡng tiết chế lâm sàng, Dinh dưỡng An toàn thực phẩm - Chứng chỉ sàng lọc trước tiêm và theo dõi xử trí phản ứng sau tiêm chủng

31.	TRƯƠNG ĐÌNH TI THI	008283/ĐNA-CCHN	Khám, tư vấn và điều trị dự phòng theo thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV; Phát hiện và xử lý các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	Bác sỹ CKI Y học gia đình	Tổ trưởng Tổ quản lý chất lượng	Chứng chỉ định hướng Xét nghiệm
32.	TÔ THỊ LAN	004327/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2005 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh viên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
33.	LƯƠNG TRẦN HOÀI THANH	004496/ĐNA-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh trưởng khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
34.	HUYỀN THỊ NGÂN	004358/ĐNA-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh viên khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
35.	VI THỊ ĐỊNH	004443/ĐNA-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh viên khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
36.	THÁI THÙY CHI	004357/ ĐNA-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh viên khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
37.	VÕ THỊ MINH	004342/ĐNA-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh viên khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
38.	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	007715/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Hộ sinh viên	Hộ sinh viên khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	

39.	ĐINH THỊ NGỌC BÍCH	007002/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên phòng Tổ chức – Hành chính	
40.	ĐẶNG THỊ THU HẠNH	004269/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên phòng Tổ chức – Hành chính	
41.	NHŨ THỊ HIỀN	003505/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CKI Điều dưỡng	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	
42.	KIỀU THỊ HỒNG SƠN	004353/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	
43.	TRẦN THỊ DIỆU TRANG	004411/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	
44.	HOÀNG THỊ XUÂN	0005500/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Trưởng phòng Điều dưỡng	
45.	NGUYỄN TRƯỜNG VĂN VỠ LÂM TUẤN	006531/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thạc sĩ Điều dưỡng	Phó trưởng phòng Điều dưỡng	
46.	TRẦN THỊ THÙY PHÚ	004258/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên phòng Điều dưỡng	
47.	BÙI THỊ HẠNH	0005513/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	

48.	ĐÀO THỊ PHƯƠNG ĐÔNG	004257/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
49.	VÕ THỊ MAI	004425/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Liên chuyên khoa	
50.	PHẠM THỊ TUYỀN	004381/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Liên chuyên khoa	
51.	NGUYỄN ĐẶNG THUY UYÊN	007825/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Liên chuyên khoa	
52.	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	004378/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Nhi	
53.	TRẦN HOÀNG THUY LINH	007482/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa KSBT&HIV/AIDS	
54.	NGUYỄN THỊ XUÂN LỘC	007284/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nhi	
55.	TRẦN THỊ THANH MAI	004264/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh	

56.	HUỶNH THỊ THANH HẰNG	007960/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh	
57.	PHẠM TRỌNG PHƯƠNG NAM	005908/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh	
58.	NGUYỄN THỊ ANH VÂN	004326/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh	
59.	PHẠM KHÁNH CHI	006537/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh	
60.	LÊ THỊ TRANG	007086/ĐNA-CCHN	Theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh	
61.	NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG	004228/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Khám bệnh	
62.	PHẠM THỊ HỒNG VINH	004419/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng Khoa Chẩn đoán hình ảnh	

63.	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	007543/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
64.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	004418/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
65.	NGUYỄN KIỀU DUYÊN	004927/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
66.	LÊ THỊ KIỀU PHƯƠNG	004404/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Hồi sức cấp cứu	
67.	HUỶNH THỊ THẢO VIÊN	007474/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa KSBT&HIV/AIDS	
68.	MAI THỊ ÁNH PHƯỚC	0005355/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Hồi sức cấp cứu	
69.	HUỶNH THỊ LƯU HẬU	006463/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2005 của Bộ Y tế, Bộ Nội Vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Hồi sức cấp cứu	
70.	ĐỖ NGUYỄN MINH CHÂU	004383/ĐNA-CCHN	Chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa gây mê hồi sức	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Ngoại tổng hợp	Giấy chứng nhận Kỹ thuật viên Gây mê, gây mê hồi sức cơ bản

71.	TRẦN THỊ GIANG CHUNG	0005378/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Ngoại tổng hợp	
72.	LÊ THỊ HUYỀN	004429/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Ngoại tổng hợp	Giấy chứng nhận thực hành Điều dưỡng dụng cụ - Dụng cụ nội soi Sản phụ khoa
73.	NGUYỄN THỊ THÙY	006845/ĐNA-CCHN	Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Ngoại tổng hợp	
74.	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢI	0005341/ĐNA-CCHN	Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Ngoại tổng hợp	
75.	ĐOÀN THỊ KIM HUƠNG	004382/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại tổng hợp	
76.	NGUYỄN NỮ TRÀ GIANG	0002971/QB-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Ngoại tổng hợp	
77.	NGUYỄN THỊ TOÀN	004440/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng khoa Nội tổng hợp	
78.	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	004400/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nội tổng hợp	
79.	NGÔ THỊ THANH THANH	004374/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nội tổng hợp	
80.	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	006846/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nội tổng hợp	

81.	TRẦN THỊ CẨM KHUÊ	009037/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nội tổng hợp	
82.	TRẦN THỊ THU THẢO	008165/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nội tổng hợp	
83.	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	004254/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa YHCT&PHCN	
84.	ĐINH THỊ SONG THÚY	007484/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa KSBT&HIV/AIDS	
85.	NGUYỄN VĂN LINH AN	007568/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa KSBT&HIV/AIDS	
86.	LÊ THỊ THU HIỀN	007496/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa Nội tổng hợp	
87.	VÕ THỊ THU HUYỀN	004376/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa KSBT&HIV/AIDS	
88.	NGUYỄN THỊ THU VÂN	004280/ĐNA-CCHN	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên Khoa KSBT&HIV/AIDS	
89.	PHẠM THỊ UYÊN	003668/ĐNA-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	CN Điều dưỡng	Phó trưởng khoa YTCC-DD&ATTP	

90.	TRẦN THỊ HIỀN	007483/ĐNA-CCHN	Theo thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng viên khoa YTCC-DD&ATTP	
91.	PHẠM VĂN TUYỀN	004424/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	CN chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên khoa CĐHA	Siêu âm Sản phụ khoa cơ bản
92.	TRẦN QUỐC HUNG	004946/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	CN chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên khoa CĐHA	
93.	PHẠM THỊ NHUNG	004385/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	CN chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên khoa CĐHA	
94.	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	004386/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	CN chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên khoa CĐHA	
95.	HỒ NGỌC THẢO	004384/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	CN chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên khoa CĐHA	
96.	PHẠM HỒNG PHƯƠNG UYÊN	004476/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	CN chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên khoa CĐHA	
97.	NGUYỄN THỊ KHÁNH DUNG	003497/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	CN Kỹ thuật PHCN	Kỹ thuật viên trưởng khoa YHCT&PHCN	
98.	NGUYỄN THỊ MINH THI	004439/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	CN Kỹ thuật PHCN	Kỹ thuật viên khoa YHCT&PHCN	Ngôn ngữ trị liệu dành cho trẻ em tự kỷ
99.	TRẦN ĐỨC THÀNH	004435/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Trưởng khoa Xét nghiệm	

100.	VÕ THỊ MINH TẤN	0005371/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Phó trưởng khoa Xét nghiệm	
101.	LÊ LỘC RIN	004398/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Kỹ thuật viên trưởng khoa Xét nghiệm	
102.	VÕ THANH HIỀN	007379/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Kỹ thuật viên khoa Xét nghiệm	
103.	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	004329/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Kỹ thuật viên khoa Xét nghiệm	
104.	PHAN THỊ LOAN	008874/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm y học	CN Xét nghiệm	Kỹ thuật viên khoa Xét nghiệm	
105.	LÊ THỊ HUỆ	004356/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Kỹ thuật viên khoa Xét nghiệm	
106.	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	004409/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	CN Xét nghiệm	Kỹ thuật viên khoa Xét nghiệm	
107.	ĐOÀN PHƯỚC THANH	0967/CCHN-D-SYT-ĐNA	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược với các vị trí hành nghề: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc	Thạc sỹ Tổ chức quản lý Dược	Trưởng khoa Dược-TTB-VTYT	
108.	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	815/CCHN-D-SYT-QT	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược với các vị trí hành nghề: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc	CKI Dược lý Dược lâm sàng	Phó trưởng khoa Dược-TTB-VTYT	

109.	LƯƠNG THỊ BÍCH THẢO	0391/CCHN-D- SYT-ĐNA	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược với các vị trí hành nghề: Người chịu trách nhiệm chuyên môn của quầy thuốc, tủ thuốc Trạm Y tế xã	Dược sỹ Đại học	Dược sỹ Dược-TTB- VTYT	
110.	TRƯƠNG THỊ MỸ NỮ	0693/CCHN-D- SYT-ĐNA	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược với các vị trí hành nghề: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc	Dược sỹ Đại học	Dược sỹ Dược-TTB- VTYT	
111.	HUỶNH NGUYỄN TRIỆU HUYỀN	1071/CCHN-D- SYT-ĐNA	Bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cô truyền, xuất khẩu, nhập khẩu vắc xin, sinh phẩm, bán buôn vắc xin, sinh phẩm	Dược sỹ Đại học	Dược sỹ khoa KSBT&HIV/AIDS	